TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/01/2019
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN,TỈNH THANH HÓA

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh.

Bà Dương Thị Thắm.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa : Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2018/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Trần Văn Ph – sinh năm 1980.

Địa chỉ: xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, (có mặt).

* Bị đơn: Chị Tống Thị L – sinh năm 1981.

Địa chỉ: xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 07/9/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Trần Văn Ph trình bày:

Về hôn nhân : Anh và chị Tống Thị L kết hôn ngày 09/02/2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng sống chung một nhà nhưng không có tình cảm và trách nhiệm gì với nhau. Xét thấy tình cảm không còn, không thể cùng sống chung với nhau được nữa. Nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tống Thị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là Trần Văn C – sinh ngày 23/01/2007. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giao cháu C cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh Ph không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Theo bị đơn chị Tống Thị L trình bày:

Về hôn nhân : Chị và anh Trần Văn Ph kết hôn ngày 09/02/2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Ph thường xuyên vắng nhà vì làm nghề lái xe đường dài, không quan tâm được đến gia đình nhiều. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, chỉ là những va chạm nhỏ thường ngày. Do vậy, chị không đồng ý ly hôn anh Ph và tha thiết xin được đoàn tụ để xây dựng cuộc sống gia đình, cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung : Chị và anh Ph có 01 con chung là Trần Văn C – sinh ngày 23/01/2007, do chị xin được đoàn tụ nên chị không có đề nghị gì về nuôi con.

Về tài sản : Chị và anh Ph có một số tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vì chị đề nghị xin được đoàn tụ.

*Do vụ án liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của đương sự :

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án : Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về tố tụng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Văn Ph và chị Tống Thị L kết hôn ngày 09/02/2006 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyện vọng xin ly hôn của anh Ph là hoàn toàn không chính đáng, bởi trong quá trình giải quyết vụ án và qua xác minh được biết cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn, không có mâu thuẫn lớn, chỉ là những va chạm nhỏ dễ xảy ra hàng ngày, đời sống chung và mục đích hôn nhân có thể khắc phục được. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án chị L tha thiết được đoàn tụ, thể hiện sự mong muốn, níu kéo hạnh phúc. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên không chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Ph để tạo điều kiện cho chị L và anh Ph hàn gắn tình cảm vợ chồng, nuôi dạy con và xây dựng hạnh phúc gia đình là phù hợp với thực tế và đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Trần Văn Ph, nên không xem xét.

[4] Về tài sản: Anh Ph, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Trần Văn Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Ph về việc xin ly hôn chị Tống Thị L.

*Về án phí: Anh Trần Văn Ph phải nộp 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) anh Ph đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2017/0004885 ngày 07/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Anh Ph đã nộp đủ án phí.

*Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện N;
-VKSND tỉnh Thanh Hóa;
-TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Xuân Hùng